

Số: 29/2021/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 12 tháng 8 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 24/8/2014;*

\*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

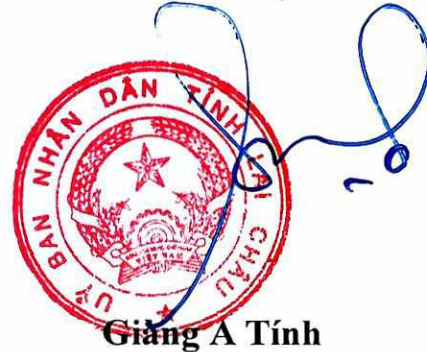
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2021 và thay thế các Quyết định: Số 64/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 29/2020/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: U;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: V; CV các khối;
- Công báo tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Lai Châu;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Kt3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Giảng A Tính





## QUY ĐỊNH

### Quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29 /2021/QĐ-UBND  
ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu trong các lĩnh vực: Bình ổn giá; đăng ký giá; kê khai giá; niêm yết giá; định giá; điều chỉnh giá; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

2. Những nội dung khác không quy định tại quyết định này thực hiện theo quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn Luật có liên quan.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Lai Châu (trừ khi Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định khác).

## Chương II

### QUY ĐỊNH CỤ THỂ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ

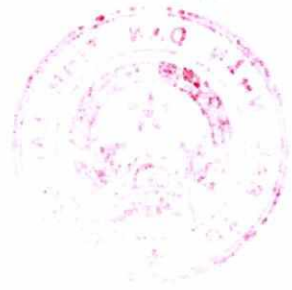
#### Mục 1

#### BÌNH ỔN GIÁ, ĐĂNG KÝ GIÁ

#### Điều 3. Bình ổn giá

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá (Theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá) bao gồm:

- a) Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: Xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;
- b) Điện bán lẻ;



- c) Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- d) Phân đạm urê; phân NPK;
- đ) Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
- e) Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- g) Muối ăn;
- h) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
- i) Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
- k) Thóc, gạo tẻ thường;
- l) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn nêu trên thì thực hiện theo quy định đó.

## 2. Điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá.

## 3. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá

a) Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

b) Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền như sau: Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn; các biện pháp tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật; đăng ký giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định; kiểm tra yếu tố hình thành giá, kiểm soát hàng hóa tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn; áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế; định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa dịch vụ thiết yếu để phục vụ sản xuất tiêu dùng.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện bình ổn giá theo quy định tại khoản 3 Điều này.

#### **Điều 4. Đăng ký giá**

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá được quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá bao gồm

a) Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của Liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính hoặc Sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Cách thức thực hiện và quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

4. Cơ quan, đơn vị tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá

a) Sở Tài chính chủ trì tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại các điểm a, b, c, g, i, k, khoản 1 Điều 3 Quy định này.

## b) Sở Công Thương

Chủ trì tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 3 Quy định này.

Phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh đối với hàng hóa quy định tại các điểm a, b, c, g, i, khoản 1, Điều 3 Quy định này.

c) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại điểm l, khoản 1, Điều 3 Quy định này và việc đăng ký giá thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh đối với hàng hóa quy định tại các điểm d, đ, e, k, khoản 1, Điều 3 Quy định này.

đ) Cục Thuế tỉnh: Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại khoản 1, Điều 3 Quy định này.

## e) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh do cấp huyện cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại khoản 1, Điều 3 Quy định này.

Cung cấp danh sách các cá nhân, hộ gia đình đăng ký sản xuất, kinh doanh thuộc địa phương quản lý sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thông báo theo quy định.

5. Hàng năm Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, cơ quan chuyên môn của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn.

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh cung cấp danh sách các tổ chức đăng ký sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lai Châu sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ phải đăng



ký giá quy định tại khoản 1, Điều 4 Quy định này về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thông báo theo quy định.

6. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về đăng ký giá thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

## **Mục 2**

### **KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ**

#### **Điều 5. Kê khai giá**

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá do Trung ương quy định:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá.

b) Xi măng, thép xây dựng.

c) Than.

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước.

e) Sách giáo khoa.

g) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước.

h) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi.

i) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

k) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG).

l) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định

a) Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp tại địa phương.

b) Vật liệu xây dựng (trừ xi măng, sắt thép).

c) Nước sạch sinh hoạt (Bao gồm: Nước sinh hoạt khối cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, phục vụ mục đích công cộng; hoạt động sản xuất vật

chất; kinh doanh dịch vụ; nước sinh hoạt các hộ dân cư là hộ nghèo và gia đình chính sách).

d) Dịch vụ sử dụng bến, bãi, mặt nước được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

đ) Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

e) Vé thăm quan du lịch tại các điểm trên địa bàn tỉnh Lai Châu (trừ dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật phí, lệ phí).

f) Hàng hóa phục vụ phòng, chống dịch bệnh: Khẩu trang y tế, chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước dùng trong gia dụng; chế phẩm diệt khuẩn da dùng trong y tế; nhiệt kế điện tử hồng ngoại.

g) Tài liệu giáo dục địa phương.

h) Giá báo tại địa phương.

### 3. Đối tượng thực hiện kê khai giá bao gồm

a) Tổ chức, cá nhân (Bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của Liên Bộ Tài chính và Bộ quản lý chuyên ngành hoặc hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính hoặc Sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

4. Cách thức thực hiện kê khai giá và quy trình tiếp nhận văn bản kê khai giá thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 24/8/2014.

### 5. Cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá

a) Sở Tài chính chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại điểm b, c, d, đ, e, k, l khoản 1 và khoản 2 Điều này.

b) Sở Y tế chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại điểm g khoản 1 Điều này; phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, kiểm soát hồ sơ kê khai giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm f khoản 2 Điều này.

c) Sở Giao thông vận tải chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.

d) Sở Công thương chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại điểm i khoản 1 Điều này; phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, kiểm soát hồ sơ kê khai giá các loại hàng hóa dịch vụ tại điểm đ khoản 2 Điều này.

đ) Sở Xây dựng phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, kiểm soát hồ sơ kê khai giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều này.

e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, kiểm soát hồ sơ kê khai giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều này.

g) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Tài chính tiếp nhận, kiểm soát hồ sơ kê khai giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.

h) Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tiếp nhận, kiểm soát hồ sơ kê khai giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g khoản 2 Điều này.

i) Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tiếp nhận, kiểm soát hồ sơ kê khai giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 2 Điều này.

k) Cục Thuế tỉnh phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tiếp nhận, kiểm soát hồ sơ kê khai giá các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

l) Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh do cấp huyện cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l khoản 1, Điều này.

Cung cấp danh sách các cá nhân, hộ gia đình đăng ký sản xuất, kinh doanh thuộc địa phương quản lý sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ

thuộc danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách và thông báo theo quy định.

m) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

6. Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá không thực hiện kê khai giá mà thực hiện đăng ký giá theo quy định tại Điều 4 Quy định này. Hết thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá, trước khi điều chỉnh giá tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá tiếp tục thực hiện kê khai giá theo quy định.

7. Hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư, Cục Thuế tỉnh, cơ quan chuyên môn của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh cung cấp danh sách các tổ chức đăng ký sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục các loại hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thông báo theo quy định.

8. Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

### **Điều 6. Niêm yết giá**

Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện niêm yết giá theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Luật Giá, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP 14/11/2013 của Chính phủ.

## **Mục 3**

### **ĐỊNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH GIÁ**

**Điều 7. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Giá các loại đất.
2. Giá cho thuê đất, thuê mặt nước.
3. Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

4. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.

5. Giá nước sạch sinh hoạt các hộ dân cư.

6. Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

7. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

8. Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

9. Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do tỉnh quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do Tỉnh quản lý; dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

10. Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

11. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

12. Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

**Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình và thẩm định giá, phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh**

### 1. Sở Tài chính

a) Thẩm định (hoặc chủ trì, phối hợp thẩm định) phương án giá hàng hóa, dịch vụ do sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh lập.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng; tỷ lệ phần trăm (%) làm cơ sở xác định đơn giá cho thuê đất, đơn giá cho thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất); đơn giá thuê mặt nước của từng dự án.

c) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng phương án gửi Sở Tài chính (hoặc Hội đồng thẩm định giá đất cấp tỉnh) thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

a) Bảng giá các loại đất; bảng giá đất điều chỉnh; giá đất cụ thể, giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất đấu giá có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) trên 10 tỷ đồng.

b) Hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

c) Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

d) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xây dựng phương án gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

a) Giá rừng, bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

b) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do tỉnh quản lý.

c) Giá cây giống các chương trình, dự án.

d) Đơn giá bồi thường, cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

đ) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Sở Xây dựng chủ trì xây dựng phương án gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

a) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.

b) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương; giá thuê mặt bằng, ki ốt trung tâm thương mại.

c) Đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, các tài sản khác gắn liền với đất và di chuyển mồ mã khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

d) Giá tối đa đối với: Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

đ) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Sở Giao thông vận tải chủ trì xây dựng phương án gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

a) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách.

b) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do tỉnh quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do tỉnh quản lý; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

c) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

d) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận

chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

đ) Giá dịch vụ quản lý, duy tu bảo dưỡng đường bộ.

e) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo các quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Sở Công thương chủ trì xây dựng phương án gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

a) Giá cụ thể: Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách nhà nước.

b) Giá tối đa: Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

c) Giá các loại hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh nước sạch xây dựng phương án Giá nước sạch sinh hoạt gửi Liên Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định; Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

#### 8. Sở Y tế

a) Chủ trì xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế).

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

9. Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cụ thể cơ quan, đơn vị xây dựng phương án giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

### **Điều 9. Điều chỉnh mức giá do Nhà nước định giá**

1. Khi các yếu tố hình thành giá trong nước và thế giới có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá quy định tại Điều 7 Quy định này kịp thời xem xét, điều chỉnh giá.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Trình tự điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này



4. Trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì giao cho Sở Tài chính có văn bản trả lời cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

**Điều 10. Thẩm quyền quyết định giá đối với tài sản, hàng hóa của các cơ quan, đơn vị**

1. Thẩm quyền quyết định giá của Sở Tài chính

a) Giá khởi điểm đấu giá tài sản đối với trường hợp cho thuê, bán, thanh lý tài sản nhà nước theo phân cấp của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Giá khởi điểm đấu giá tài sản các loại hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Thẩm quyền quyết định giá của các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc tỉnh quản lý

a) Giá khởi điểm đấu giá tài sản, cho thuê, bán, thanh lý tài sản công theo phân cấp của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Giá khởi điểm đấu giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Giá khởi điểm đấu giá tài sản đối với trường hợp cho thuê, bán, thanh lý tài sản công theo phân cấp của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Giá khởi điểm đấu giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

#### **Mục 4**

#### **HIỆP THƯƠNG GIÁ**

**Điều 11. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện sau**

a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

**Điều 12. Trách nhiệm trong việc tổ chức hiệp thương giá**

1. Sở Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Điều 11 Quy định này trong các trường hợp sau:

a) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán.

b) Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thành phần tham gia hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính; đại diện bên mua, bên bán; đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính.

### **Điều 13. Trình tự, thời hạn tổ chức hiệp thương giá**

1. Khi đề nghị hiệp thương giá hoặc phải thực hiện hiệp thương giá theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì bên mua hoặc bên bán hoặc cả bên mua và bên bán thực hiện lập hồ sơ hiệp thương giá theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính gửi Sở Tài chính xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính rà soát Hồ sơ hiệp thương giá trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh nộp Hồ sơ hiệp thương giá (tính theo dấu công văn đến).

3. Trường hợp Hồ sơ hiệp thương giá không đúng quy định, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho các bên tham gia hiệp thương giá biết để hoàn chỉnh theo quy định.

Đối với trường hợp hiệp thương giá theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thời hạn để các bên hoàn thiện Hồ sơ hiệp thương giá theo quy định tối đa không quá 12 ngày làm việc tính theo dấu bưu điện hoặc dấu công văn đến.

4. Trong thời hạn tối đa không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận Hồ sơ hiệp thương giá theo quy định (tính theo dấu công văn đến), Sở Tài chính tiến hành hiệp thương giá.

5. Trường hợp bên mua hoặc bên bán hoặc cả bên mua và bên bán đề nghị hiệp thương giá thì bên mua và bên bán có quyền rút lại Hồ sơ hiệp thương giá để tự thỏa thuận về mức giá mua, giá bán của hàng hóa, dịch vụ trước khi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá và phải báo cáo mức giá đã thỏa thuận và thời gian thực hiện mức giá đó cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá.

### **Điều 14. Kết quả hiệp thương giá**

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thông báo kết quả hiệp thương giá bằng văn bản về mức giá được thỏa thuận cho các bên sau khi hiệp thương.

2. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá nhưng các bên chưa thống nhất được mức giá thì Sở Tài chính quyết định giá tạm thời để hai bên thực hiện.

Quyết định giá tạm thời do Sở Tài chính công bố có hiệu lực thi hành tối đa là 06 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời, các bên tiếp tục thương thảo về giá. Nếu các bên thống nhất được giá thì thực hiện theo giá đã

thống nhất và có trách nhiệm báo cáo Sở Tài chính biết giá đã thống nhất, thời gian thực hiện.

Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên không thỏa thuận được giá thì Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá lần hai. Nếu các bên vẫn không đạt được thỏa thuận về giá thì quyết định giá tạm thời vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi đạt được thỏa thuận về mức giá.

## **Mục 5**

### **KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ**

#### **Điều 15. Trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá**

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá trên địa bàn tỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá.
- b) Khi giá có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hàng hóa, dịch vụ phải kiểm tra yếu tố hình thành giá bao gồm:

- a) Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.
- b) Hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá.
- c) Hàng hoá, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

#### **Điều 16. Trách nhiệm trong việc kiểm tra yếu tố hình thành giá**

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với:

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 17. Trình tự, thời hạn kiểm tra yếu tố hình thành giá**

1. Trình tự kiểm tra yếu tố hình thành giá

Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá theo trình tự sau:

- a) Gửi quyết định yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá đến tổ chức, cá nhân được yêu cầu kiểm tra yếu tố hình thành giá.

b) Có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các tài liệu cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

c) Tiến hành kiểm tra yếu tố hình thành giá.

d) Thông báo kết luận kiểm tra yếu tố hình thành giá.

2. Thời hạn kiểm tra các yếu tố hình thành giá

a) Thời gian một lần kiểm tra tối đa là 30 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định kiểm tra các yếu tố hình thành giá. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian kiểm tra thì Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài nhưng thời gian kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

b) Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra các yếu tố hình thành giá, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và gửi thông báo kết luận kiểm tra đến tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 18. Trách nhiệm thi hành**

1. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan đôn đốc, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ngành, đơn vị; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.